



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 02731/2026/PKQ/26.1187

Tên khách hàng : Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera - CN Tổng công ty Viglacera - CTCP
Địa chỉ : Nhà điều hành Khu công nghiệp Tiên Hải, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Khu công nghiệp Phú Hà – Phường Phú Thọ, phường Phong Châu, tỉnh Phú Thọ
Số mẫu : 2
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 26/03/2026 Thời gian đo đạc, phân tích : 26/03/2026 - 07/04/2026

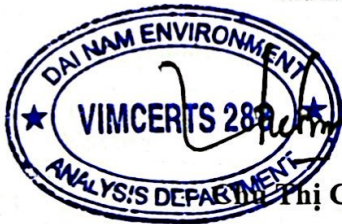
STT	Loại mẫu	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	Nước thải	260326.NT.013	NT1	Ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ, tại thượng lưu cống qua đường tỉnh lộ 320B (Km3+114) (21°25'49.87", 105°14'29.24")
2	Nước thải	260326.NT.014	NT2	Mương Bờ Siu và qua các hệ thống tiêu dẫn của Trạm bơm tiêu Lò Lợn ra sông Hồng (21°25'1.62", 105°15'15.75")

Thông tin về kết quả phân tích: Xem các trang tiếp theo.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM *phm*

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026

P. GIÁM ĐỐC



Thị Chi



Phạm Văn Huân

- Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : 260326.NT.013
Ký hiệu mẫu : NT1

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A (Cmax)
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,5	6-9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	24,7	40
3	Lưu lượng	SOP - MTĐN - ĐNN 02	m ³ /h	22,5	-
4	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15 (LOQ=15)	50
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	18	24,3
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	45	60,75
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	18	40,5
8	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567
9	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,081
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (MDL=1)	4,05
11	Sulfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,162
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	mg/L	KPH (MDL=0,1)	4,05
13	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (MDL=0,02)	4,05
14	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	12,4	16,2

095652
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG
ĐẠI NAM
TỰ LIÊN



1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A (Cmax)
15	Tổng P	TCVN 6202:2008	mg/L	1,320	3,24
16	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	104	405
17	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<0,75 (LOQ=0,75)	0,81
18	Asen (As)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,006)	0,0405
19	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
20	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0065)	0,081
21	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,0405
22	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
23	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023 + SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,162
24	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,079	1,62
25	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,11	2,43
26	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,017	0,162
27	Mangan (Mn)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,037	0,405
28	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,81
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,04)	1,0
31	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100 mL	390	3000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- Vị trí lấy mẫu:

1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



MTCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

+ NT1: Ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ, tại thượng lưu cống qua đường tỉnh lộ 320B (Km3+114).

Tọa độ: 21°25'49.87", 105°14'29.24"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột A (Cmax): Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Kq = 0,9; Kf = 0,9.



NG
 M
 T.P.
 9566
 ỜNG
 CỔ PH
 ỖI TRU
 ĐẠI N
 TỰ LIÊN

1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : 260326.NT.014
Ký hiệu mẫu : NT2

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A (Cmax)
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,4	6-9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	23,6	40
3	Lưu lượng	SOP - MTĐN - ĐNN 02	m ³ /h	18,3	-
4	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15 (LOQ=15)	50
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	23	24,3
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	57	60,75
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	21	40,5
8	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567
9	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,081
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (MDL=1)	4,05
11	Sulfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,162
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	mg/L	KPH (MDL=0,1)	4,05
13	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (MDL=0,02)	4,05
14	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	15,9	16,2

- Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.12.01

Ban hành lần 3

Trang: 5/7



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A (Cmax)
15	Tổng P	TCVN 6202:2008	mg/L	1,930	3,24
16	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	mg/L	64,0	405
17	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<0,75 (LOQ=0,75)	0,81
18	Asen (As)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,006)	0,0405
19	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
20	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0065)	0,081
21	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,0405
22	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
23	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023 +SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,162
24	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	mg/L	<0,015 (LOQ=0,015)	1,62
25	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,01)	2,43
26	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,050	0,162
27	Mangan (Mn)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,016	0,405
28	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,81
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,04)	1,0
31	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100 mL	700	3000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- Vị trí lấy mẫu:

1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

+ NT2: Mương Bờ Siu và qua các hệ thống tiêu dẫn của Trạm bơm tiêu Lò Lợn ra sông Hồng.

Tọa độ: 21°25'1.62", 105°15'15.75"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột A (Cmax): Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. $Kq = 0,9$; $Kf = 0,9$.



1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định